

MÔ HÌNH TÒA ÁN CHUYÊN TRÁCH MÔI TRƯỜNG TẠI NEW ZEALAND VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM CHO VIỆT NAM

NGUYỄN MINH THƯ
Khoa Luật, Trường Đại học Ngoại thương
NGUYỄN THÚY HIỀN
Công ty Luật Justitia & Cộng Sự

Nhận bài ngày 07/6/2026. Sửa chữa xong 26/6/2026. Duyệt đăng 30/6/2026.

Abstract

Environmental courts and other specialized environmental adjudicatory bodies have increasingly been established to address complex environmental challenges. They strengthen environmental law enforcement by interpreting and applying legal rules, protecting environmental rights, and resolving technically complex disputes. Using analytical, synthetic, and comparative legal methods, this article examines the New Zealand Environment Court in connection with current resource management law reform. It then proposes recommendations on the feasibility of developing a specialized environmental court in Vietnam to improve dispute resolution and strengthen environmental justice.

Keywords: Environmental Court; New Zealand; environmental dispute resolution; environmental justice; Vietnam.

1. Đặt vấn đề

Sự gia tăng tranh chấp và vi phạm pháp luật môi trường trong bối cảnh công nghiệp hóa, đô thị hóa tại Việt Nam đặt ra yêu cầu hoàn thiện cơ chế tài phán chuyên biệt. Hệ thống Tòa án hiện nay chưa có thiết chế chuyên trách về môi trường, trong khi nhiều vụ việc đòi hỏi khả năng đánh giá chứng cứ khoa học, xác định quan hệ nhân quả giữa hành vi gây ô nhiễm và thiệt hại, cũng như xử lý các vấn đề liên ngành. Khoảng trống này làm giảm hiệu quả bảo vệ quyền được sống trong môi trường trong lành và hiệu lực thực thi pháp luật môi trường.

Trên thế giới, xu hướng thành lập cơ quan tài phán hoặc Tòa án chuyên trách về môi trường ngày càng rõ nét. New Zealand là mô hình tiêu biểu với Tòa án Môi trường có lịch sử phát triển lâu dài, vận hành ổn định và có cơ chế kết hợp giữa chuyên môn pháp lý với chuyên môn kỹ thuật môi trường. Vì vậy, việc phân tích mô hình này có giá trị tham chiếu cho quá trình nghiên cứu, xây dựng và hoàn thiện cơ chế tài phán môi trường chuyên trách tại Việt Nam.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Khái quát về mô hình Tòa án chuyên trách môi trường tại New Zealand

Tòa án Môi trường New Zealand là một trong những Tòa án chuyên trách về môi trường có lịch sử lâu đời nhất trên thế giới. Mô hình này bắt nguồn từ Ban Kháng nghị Quy hoạch, được thành lập theo Đạo luật Quy hoạch đô thị và nông thôn năm 1953. Sự hình thành Ban Kháng nghị Quy hoạch là tiền đề quan trọng cho việc phát triển cơ chế tài phán môi trường chuyên trách tại New Zealand. Ban này có chức năng xét xử các kháng cáo liên quan đến kế hoạch sử dụng tài nguyên và việc phê duyệt các kế hoạch đó, bảo đảm sự công bằng giữa người dân và cơ quan có thẩm quyền lập kế hoạch, đồng thời vận hành như một thiết chế chuyên trách, toàn thời gian và đa lĩnh vực (Trevor, Daya-Winterbottom, 2005, tr. 123-145).

Email: luunguyentra@ncehcm.edu.vn

Quá trình chuyển đổi từ Ban Kháng nghị Quy hoạch sang Tòa án Quy hoạch và sau đó là Tòa án Môi trường thể hiện sự nâng cấp từ cơ chế xem xét kháng nghị hành chính sang một thiết chế tài phán độc lập. Việc hợp nhất các hội đồng kháng nghị và công nhận Tòa án Quy hoạch là “Court of Record”¹ theo Đạo luật năm 1977 đánh dấu bước chuyển quan trọng, khi các quyết định có giá trị phán quyết tư pháp chính thức. Tiếp đó, Đạo luật Quản lý tài nguyên 1991 (Resource Management Act 1991 - RMA) (Palmer, K., 2009, 241–249) và việc đổi tên thành Tòa án Môi trường đã mở rộng phạm vi thẩm quyền từ quy hoạch sang quản lý tài nguyên tổng hợp, đồng thời khẳng định xu hướng chuyên môn hóa xét xử tranh chấp môi trường và vai trò kiểm soát quyết định hành chính trong lĩnh vực tài nguyên, môi trường (Trevor, Daya-Winterbottom, 2005, tr. 123-145).

2.1.1. Cấu trúc của Tòa án chuyên trách về môi trường tại New Zealand²

Tòa án Môi trường New Zealand là thiết chế tài phán chuyên trách cấp quốc gia, có các cơ sở đăng ký tại Wellington, Auckland và Christchurch; các thẩm phán có thể xét xử lưu động tại địa phương nơi phát sinh vụ việc khi cần thiết. Theo RMA, phiên điều trần được tổ chức tại địa điểm gần khu vực liên quan và thuận tiện cho các bên. Phần lớn công việc của Tòa án là xét xử kháng cáo phát sinh từ RMA, đặc biệt là kháng cáo đối với quyết định của chính quyền địa phương về thay đổi quy hoạch, tuyên bố chính sách và cấp phép tài nguyên³.

Tòa án Môi trường bao gồm các Thẩm phán Môi trường và Ủy viên Môi trường được bổ nhiệm theo luật định⁴. Hội đồng xét xử thông thường gồm một Thẩm phán và hai Ủy viên; RMA cũng cho phép một số vấn đề được xem xét riêng bởi Thẩm phán hoặc Ủy viên.

2.1.2. Phạm vi hoạt động của Tòa án chuyên trách về môi trường tại New Zealand

Theo RMA và “Hướng dẫn Thực hành Tòa án Môi trường”, Tòa án Môi trường có thể xét xử và tuyên bố các vấn đề trong khuôn khổ RMA (Tòa án Môi trường New Zealand, 2014). Hầu như mọi cơ chế quan trọng để quản lý môi trường đều có thể được Tòa án xem xét, bao gồm chính sách và quy hoạch vùng, cấp phép tài nguyên liên quan đến xả thải, ven biển, sử dụng đất và nước, kháng cáo về thông báo hủy bỏ, lệnh thực thi, đơn xin tuyên bố, lệnh bảo tồn nguồn nước và các đề xuất có ý nghĩa quốc gia do Bộ trưởng Bộ Môi trường chuyển đến (Tòa án Môi trường New Zealand, 2020).

Về phạm vi hoạt động: (1) Tòa án Môi trường được trao quyền để xem xét các quyết định của chính quyền khu vực và lãnh thổ. (2) Với tư cách là người nộp đơn, chủ giấy phép hoặc người gửi đệ trình có thể khiếu nại về các vấn đề liên quan đến đơn xin cấp phép tài nguyên, đơn xin thay đổi điều kiện cấp giấy phép và đánh giá về tình trạng hoạt động của giấy phép hiện có. (3) Một số trường hợp phát sinh theo các đạo luật khác ngoài RMA cũng có thể bị khiếu nại lên Tòa án Môi trường, chẳng hạn như: phản đối việc chiếm đất, liên quan đến “Đạo luật rừng 1949”, “Đạo luật diện tích công cộng 1981”; về các địa điểm khảo cổ, liên quan đến “Đạo luật Di tích Lịch sử năm 1993”; hay khiếu nại về việc chặt hạ rừng sồi, liên quan đến “Luật Lâm nghiệp năm 1949”;... (4) Hội đồng thành phố hoặc cá nhân công dân có thể gửi một số đơn yêu cầu cụ thể lên Tòa án Môi trường.

Nhìn chung, cá nhân, tổ chức có quyền nộp đơn yêu cầu Tòa án Môi trường ban hành lệnh thực thi. Tuy nhiên, đối với một số trường hợp luật định, chẳng hạn việc thực thi điều kiện cấp phép tài nguyên hoặc việc áp dụng phương án khả thi nhất nhằm giảm thiểu tác động bất lợi do khí thải gây ra, quyền yêu cầu chỉ thuộc về cơ quan có thẩm quyền hoặc Bộ Môi trường.

2.1.3. Chức năng và quyền hạn của Tòa án chuyên trách về môi trường tại New Zealand

Trong khuôn khổ của RMA, Tòa án Môi trường, với tư cách là một Tòa án chuyên nghiệp, thẩm quyền của Tòa án Môi trường tương đương với thẩm quyền của Tòa án cấp huyện và chức năng của Tòa án chủ yếu thể hiện ở ba khía cạnh sau:

1) Tòa án Môi trường New Zealand, <https://www.environmentcourt.govt.nz/about/history/>, truy cập ngày 24/12/2025

2) Đạo luật Quản lý tài nguyên 1991 (RMA) s 247 - 256

3) Tòa án Môi trường New Zealand, <https://www.environmentcourt.govt.nz/about/jurisdiction/>, truy cập ngày 08/01/2026

4) Tòa án Môi trường New Zealand, <https://www.environmentcourt.govt.nz/about/>, truy cập ngày 08/01/2026

Thứ nhất, Tòa án Môi trường thực hiện thẩm quyền tư pháp trong việc kiểm soát tính hợp pháp của các quyết định hành chính liên quan đến quản lý tài nguyên và môi trường. Tòa án Môi trường có chức năng xem xét lại nội dung quyết định, có quyền đánh giá các quyết định khác nhau của các cơ quan chính phủ và các quan chức về các vấn đề môi trường. Tòa án Môi trường có thẩm quyền ra thông báo về việc một hành vi hoặc thiếu sót nào đó của cơ quan chính phủ có vi phạm “Luật Quản lý tài nguyên” hay không. Ngoài ra, một số đơn xin cấp phép tài nguyên được chấp nhận trực tiếp bởi Tòa án Môi trường mà không cần thông qua hội đồng thành phố địa phương. Hoặc khi Bộ Môi trường xác định đơn xin cấp phép có ảnh hưởng đến quốc gia thì Bộ Môi trường sẽ nộp đơn lên Tòa án Môi trường. Các đơn do Tòa án Môi trường thụ lý chủ yếu là đơn xin cấp phép tài nguyên, đơn xin thay đổi điều kiện cấp phép, đơn xin thông báo.

Thứ hai, Tòa án Môi trường New Zealand thực hiện chức năng như một cơ quan xét xử phúc thẩm chuyên biệt đối với các quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý tài nguyên và môi trường. Tòa án có thẩm quyền xem xét kháng cáo đối với các quyết định của chính quyền địa phương liên quan đến quy hoạch, chính sách môi trường, cấp phép tài nguyên, thay đổi điều kiện giấy phép và một số vấn đề khác được luật chuyên ngành quy định. Cơ chế này cho phép cá nhân, tổ chức chịu tác động bởi quyết định hành chính về môi trường có quyền yêu cầu Tòa án xem xét lại quyết định đó, qua đó tăng cường kiểm soát tư pháp đối với hoạt động quản lý tài nguyên và bảo đảm tốt hơn quyền tham gia của cộng đồng trong các vấn đề môi trường.

Thứ ba, Tòa án Môi trường có thẩm quyền ban hành các biện pháp nhằm bảo đảm việc thực thi pháp luật môi trường trong phạm vi RMA và các văn bản có liên quan. Theo đó, cá nhân, tổ chức có thể yêu cầu Tòa án ban hành lệnh thực thi nhằm buộc chủ thể liên quan chấm dứt hành vi vi phạm, không thực hiện hoặc tiếp tục thực hiện hành vi có nguy cơ gây tác động bất lợi đến môi trường, hoặc thực hiện các biện pháp cần thiết để tuân thủ quy định của RMA, các quy hoạch, quy tắc và công cụ quản lý tài nguyên. Tòa án cũng có thể yêu cầu chủ thể vi phạm thực hiện nghĩa vụ khắc phục, giảm thiểu hoặc hạn chế các tác động tiêu cực đối với môi trường. Tuy nhiên, trong một số trường hợp luật định, quyền yêu cầu ban hành lệnh thực thi chỉ thuộc về cơ quan có thẩm quyền hoặc Bộ Môi trường. Thẩm quyền này cho thấy Tòa án Môi trường không chỉ đóng vai trò giải quyết tranh chấp mà còn góp phần bảo đảm hiệu quả tuân thủ và thực thi pháp luật môi trường trên thực tế.

Để bảo đảm thực hiện hiệu quả các chức năng nêu trên, Tòa án Môi trường có các quyền chính: quyền đối với quy hoạch/chính sách; quyền đối với giấy phép tài nguyên; quyền ban hành lệnh thực thi; quyền về chi phí tố tụng.

2.1.4. Thủ tục xét xử của Tòa án chuyên trách về môi trường tại New Zealand

Sau khi nhận được đơn kháng cáo hoặc đơn yêu cầu, Tòa án Môi trường tiến hành thụ lý và phân loại vụ việc theo mức độ phức tạp để áp dụng cơ chế quản lý hồ sơ phù hợp. Tùy từng trường hợp, vụ việc có thể được xử lý theo thủ tục thông thường, thủ tục đối với các vụ việc phức tạp hoặc được ưu tiên giải quyết thông qua thương lượng, hòa giải. Việc phân loại này có thể được điều chỉnh trong quá trình giải quyết nhằm bảo đảm tính linh hoạt và hạn chế các thủ tục không cần thiết.

Một đặc điểm nổi bật trong quy trình xét xử của Tòa án Môi trường New Zealand là cơ chế hòa giải trước xét xử, được xây dựng trên ba nguyên tắc tự nguyện, linh hoạt và bảo mật⁵. Các bên có thể chủ động yêu cầu hòa giải, thực hiện theo đề nghị của Tòa án hoặc chấm dứt hòa giải để chuyển sang xét xử. Quá trình hòa giải không bị ràng buộc bởi các quy tắc tố tụng và chứng cứ nghiêm ngặt; mọi thông tin trao đổi được giữ bí mật, trừ trường hợp pháp luật hoặc Tòa án có quy định khác (Han, L., n.d.) Nếu các bên đồng ý, Tòa án chỉ định hòa giải viên hoặc cho phép lựa chọn hòa giải viên độc lập, chủ yếu là Ủy viên Môi trường hoặc Phó Ủy viên Môi trường có chuyên môn và kinh nghiệm trong lĩnh vực môi trường, quản lý tài nguyên. Cơ chế này góp phần giảm số vụ việc phải xét xử, tiết kiệm thời gian, chi phí và hỗ trợ mục tiêu quản lý bền vững theo RMA. Trường hợp hòa giải không thành, Tòa án tổ chức

5) RMA s 268.

phiên họp trước xét xử để xác định vấn đề cần giải quyết, thống nhất phạm vi tranh chấp, kế hoạch chứng cứ và lịch xét xử (Hu, B., 2014).

So với thủ tục tố tụng thông thường, thủ tục tại Tòa án Môi trường có mức độ linh hoạt cao hơn trong quản lý vụ việc và tiếp nhận chứng cứ, nhưng vẫn phải bảo đảm các nguyên tắc công bằng, khách quan và đúng luật. Theo Điều 274 RMA, Tòa án có quyền xây dựng quy trình tố tụng linh hoạt và tiếp nhận mọi chứng cứ mà Tòa án xét thấy phù hợp, miễn bảo đảm tính công bằng, khách quan và hiệu quả trong giải quyết tranh chấp.

Sau khi kết thúc phiên xét xử, Tòa án thường ban hành bản án bằng văn bản nhằm bảo đảm lập luận đầy đủ đối với những vụ việc có tính chuyên môn và lợi ích công cộng cao. Các quyết định của Tòa án Môi trường có thể bị kháng cáo lên Tòa án Cấp cao⁶, nhưng việc kháng cáo chỉ giới hạn đối với vấn đề pháp luật nên phạm vi xem xét của Tòa cấp trên thường hẹp hơn.

2.2. Đánh giá mô hình Tòa án chuyên trách về môi trường tại New Zealand

Về ưu điểm, sau hơn ba thập kỷ hoạt động theo Đạo luật Quản lý tài nguyên năm 1991, Tòa án Môi trường New Zealand đã khẳng định vai trò quan trọng trong việc thực thi pháp luật và bảo vệ môi trường. Thông qua hoạt động xét xử, Tòa án đã góp phần phát triển các nguyên tắc pháp lý về quản lý bền vững, tạo ra nhiều án lệ có giá trị định hướng cho cơ quan quản lý và chính quyền địa phương. Bên cạnh đó, việc áp dụng cơ chế quản lý hồ sơ và hòa giải gắn với Tòa án đã giúp giải quyết hiệu quả nhiều tranh chấp ngay từ giai đoạn tiền tố tụng, giảm đáng kể số vụ việc phải đưa ra xét xử, qua đó tiết kiệm thời gian và chi phí cho các bên.

Tuy nhiên, mô hình này vẫn bộc lộ một số hạn chế trong quá trình vận hành. Thực tiễn cho thấy kết quả xét xử có sự khác biệt nhất định giữa các khu vực và hội đồng xét xử, làm giảm tính dự báo của pháp luật. Đồng thời, các vụ án môi trường thường phụ thuộc nhiều vào chứng cứ và ý kiến của chuyên gia khoa học, khiến các bên có tiềm lực tài chính mạnh có lợi thế hơn trong quá trình tranh tụng. Mặc dù đã có nhiều cải cách về quản lý hồ sơ, thời gian giải quyết một số vụ án vẫn kéo dài, tạo điều kiện cho việc lạm dụng quyền kháng cáo nhằm trì hoãn dự án hoặc gây sức ép trong quá trình thương lượng. Ngoài ra, Tòa án Môi trường thường xuyên phải đối mặt với các vụ việc liên quan đến giới hạn của quyền sở hữu tài sản tư nhân theo Điều 85 RMA. Điều khoản này cho phép chủ đất khiếu nại lên Tòa án nếu họ cho rằng các quy hoạch hoặc quy định hành chính của hội đồng thành phố là *"quá mức và không hợp lý"*, khiến đất đai của họ mất đi khả năng sử dụng thực tế. Điển hình là vụ việc *Steven v Christchurch City (1998)* (Palmer, K., n.d.), trong đó một chủ đất đã thắng kiện để loại bỏ một tòa nhà khỏi danh mục di sản bảo tồn nhằm bán được đất với giá trị thực tế của thị trường. Việc cân bằng giữa lợi ích công cộng về bảo tồn và quyền tài sản tư nhân luôn là bài toán đau đầu của các thẩm phán môi trường New Zealand.

Trong những năm gần đây, New Zealand đang tiến hành cải cách toàn diện hệ thống pháp luật về quản lý tài nguyên nhằm thay thế dần Đạo luật Quản lý tài nguyên năm 1991 (Resource Management Act 1991 – RMA). Năm 2023, Quốc hội New Zealand đã ban hành Natural and Built Environment Act 2023 và Spatial Planning Act 2023 để thay thế RMA. Tuy nhiên, sau khi Chính phủ mới được thành lập, hai đạo luật này đã bị bãi bỏ theo Resource Management (Natural and Built Environment and Spatial Planning Repeal and Interim Fast-track Consenting) Act 2023. Do đó, RMA 1991 tiếp tục được áp dụng trong giai đoạn chuyển tiếp, đồng thời Chính phủ New Zealand đang xây dựng một khuôn khổ pháp luật mới về quản lý tài nguyên nhằm thay thế hoàn toàn RMA trong tương lai (Lye, A., 2026).

Hiện nay, New Zealand đang định hướng thay thế RMA bằng hai đạo luật mới, gồm Planning Act và Natural Environment Act, trong đó một đạo luật tập trung vào quy hoạch, sử dụng đất và phát triển hạ tầng, còn đạo luật còn lại tập trung vào sử dụng, bảo vệ và phục hồi môi trường tự nhiên (Ministry for the Environment, n.d.). Sự cải cách này thể hiện xu hướng chuyển từ mô hình quản lý dựa trên *"tác*

động” sang mô hình tích hợp giữa bảo vệ môi trường và phát triển hạ tầng, đồng thời đơn giản hóa quy trình phê duyệt dự án. Trong bối cảnh đó, Tòa án Môi trường New Zealand vẫn giữ vai trò quan trọng nhưng đang được điều chỉnh để phù hợp với cấu trúc pháp luật mới, phản ánh quá trình chuyển đổi từ mô hình ổn định sang mô hình cải cách thích ứng, nhằm cân bằng giữa bảo vệ môi trường, phát triển kinh tế và hiệu quả quản trị nhà nước.

2.3. Bài học kinh nghiệm từ mô hình Tòa án Môi trường New Zealand và kiến nghị đối với Việt Nam

Tại Việt Nam, trong bối cảnh công nghiệp hóa và đô thị hóa diễn ra nhanh chóng, Việt Nam đang phải đối mặt với nhiều tranh chấp và vi phạm pháp luật về môi trường ngày càng phức tạp. Các vụ việc liên quan đến ô nhiễm môi trường, khai thác tài nguyên trái phép, hủy hoại rừng và đa dạng sinh học diễn ra trên phạm vi rộng, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường và đời sống người dân. Tuy nhiên, số lượng các vụ án môi trường được đưa ra xét xử vẫn còn hạn chế và chưa phản ánh đầy đủ thực trạng vi phạm. Bên cạnh đó, quá trình giải quyết các tranh chấp môi trường còn gặp nhiều khó khăn trong việc thu thập, đánh giá chứng cứ và xác định mối quan hệ nhân quả giữa hành vi gây ô nhiễm với thiệt hại thực tế. Các vụ việc thường liên quan đến những vấn đề kỹ thuật phức tạp, cần sự tham gia của các chuyên gia về môi trường, sinh học, địa chất hoặc hóa học. Điều này khiến thời gian giải quyết kéo dài, chi phí tố tụng cao và ảnh hưởng đến hiệu quả bảo vệ môi trường cũng như quyền lợi của các bên liên quan.

Trong bối cảnh đó, chủ trương cải cách tư pháp và Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2024 đã mở ra cơ sở pháp lý quan trọng để nghiên cứu mô hình Tòa án chuyên biệt tại Việt Nam. Luật mới tiếp tục duy trì và củng cố vai trò của các Tòa chuyên trách tại Tòa án nhân dân cấp tỉnh (Hình sự, Dân sự, Hành chính, Kinh tế, Lao động, Gia đình và người chưa thành niên) và Tòa án nhân dân khu vực. Đặc biệt, điểm đổi mới mang tính đột phá của luật này là việc mở ra cơ chế thành lập các Tòa án sơ thẩm chuyên biệt trực thuộc Tòa án nhân dân tối cao. Chánh án Tòa án nhân dân tối cao đã quyết định thành lập các Tòa chuyên biệt như Tòa án sơ thẩm chuyên biệt Sở hữu trí tuệ và Tòa Phá sản tại một số khu vực (Điều 62 Luật Tổ chức Tòa án nhân dân 2024). Hơn nữa, tại điểm a khoản 2 Điều 4 Luật cũng quy định trong trường hợp cần thiết, Ủy ban Thường vụ Quốc hội sẽ quyết định thành lập các Tòa án chuyên trách hoặc Tòa án chuyên biệt khác theo đề nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao. Đây chính là cơ sở pháp lý cực kỳ quan trọng, tạo tiền đề và không gian thể chế thuận lợi để Việt Nam nghiên cứu, đề xuất thành lập mô hình Tòa án chuyên trách hoặc Tòa án sơ thẩm chuyên biệt về môi trường trong tương lai.

Kinh nghiệm của New Zealand cho thấy hiệu quả của Tòa án Môi trường không chỉ đến từ việc chuyên môn hóa hoạt động xét xử mà còn từ sự kết hợp giữa chuyên môn pháp lý và chuyên môn kỹ thuật trong giải quyết tranh chấp. Tuy nhiên, mô hình này không thể áp dụng nguyên trạng tại Việt Nam do sự khác biệt về tổ chức hệ thống tư pháp, điều kiện nguồn nhân lực và yêu cầu tinh gọn bộ máy. Vì vậy, việc tiếp thu kinh nghiệm của New Zealand cần được thực hiện theo lộ trình phù hợp với điều kiện thực tiễn và định hướng cải cách tư pháp của Việt Nam.

Thứ nhất, về cơ cấu tổ chức, giai đoạn hiện nay Việt Nam chưa nên thành lập một hệ thống Tòa án Môi trường độc lập mà nên thí điểm Tòa chuyên trách về môi trường trong cơ cấu Tòa án nhân dân cấp tỉnh tại các địa phương có nhiều tranh chấp môi trường hoặc tập trung các khu công nghiệp. Trên cơ sở tổng kết thực tiễn, Việt Nam có thể từng bước nghiên cứu thành lập Tòa án sơ thẩm chuyên biệt về môi trường theo cơ chế được Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2024 cho phép.

Thứ hai, về phạm vi thẩm quyền, Tòa chuyên trách nên được giao giải quyết tập trung các vụ việc hành chính, dân sự và hình sự liên quan đến môi trường nhằm khắc phục tình trạng phân tán thẩm quyền hiện nay, đồng thời bảo đảm sự thống nhất trong áp dụng pháp luật đối với các tranh chấp có tính chất liên ngành.

Thứ ba, về chức năng và quyền hạn, cần xây dựng cơ chế hỗ trợ Hội đồng xét xử bởi các chuyên gia khoa học, môi trường và kỹ thuật theo mô hình Ủy viên Môi trường của New Zealand. Việc kết hợp giữa

thẩm phán và đội ngũ chuyên gia sẽ góp phần nâng cao chất lượng đánh giá chứng cứ, đặc biệt đối với các vụ việc có nội dung kỹ thuật phức tạp mà thẩm phán khó có thể tự mình xác định.

Thứ tư, về thủ tục tố tụng, cần hoàn thiện các quy định theo hướng phù hợp với đặc thù của tranh chấp môi trường, bao gồm tăng cường hòa giải với sự tham gia của chuyên gia kỹ thuật, hoàn thiện cơ chế thu thập và đánh giá chứng cứ khoa học, đồng thời nghiên cứu điều chỉnh nghĩa vụ chứng minh trong các vụ kiện bồi thường thiệt hại do ô nhiễm môi trường nhằm bảo đảm tốt hơn quyền tiếp cận công lý của người bị thiệt hại.

Để hiện thực hóa mô hình này, Việt Nam cần từng bước sửa đổi, bổ sung các quy định của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân, Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản liên quan nhằm tạo cơ sở pháp lý cho việc tổ chức Tòa chuyên trách, huy động chuyên gia kỹ thuật tham gia hoạt động xét xử và hoàn thiện cơ chế giải quyết tranh chấp môi trường theo hướng chuyên môn hóa.

3. Kết luận

Thực tiễn cho thấy các hoạt động vi phạm pháp luật về môi trường ngày càng tinh vi và phức tạp, gây ra những tác động nghiêm trọng đến sức khỏe con người, an sinh xã hội và sự phát triển bền vững của nền kinh tế. Việc thành lập các Tòa án chuyên trách hoặc Tòa án chuyên biệt về môi trường là một giải pháp pháp lý pháp tiến bộ, nâng cao hiệu lực thực thi pháp luật và bảo đảm công lý môi trường được thực thi nhanh chóng, chính xác. Từ kinh nghiệm của New Zealand có thể thấy, tài phán môi trường chuyên trách không chỉ giúp nâng cao chất lượng xét xử mà còn tạo cơ chế kết hợp giữa chuyên môn pháp lý, chuyên môn khoa học và phương thức giải quyết tranh chấp linh hoạt. Đối với Việt Nam, việc nghiên cứu lộ trình hình thành Tòa chuyên trách về môi trường trong hệ thống Tòa án nhân dân, tiến tới xem xét khả năng thành lập Tòa án sơ thẩm chuyên biệt về môi trường khi có đủ điều kiện pháp lý, nhân sự và cơ chế phối hợp chuyên môn, là hướng đi có cơ sở cả về lý luận và thực tiễn.

Tài liệu tham khảo

Environment Court of New Zealand (2014). *Practice Note 2014*. Truy cập ngày 22/12/2025, tại: <https://www.environmentcourt.govt.nz/assets/Documents/Publications/Practice-Note-2014.pdf>.

Environment Court of New Zealand (2020). *Report of the Registrar of the Environment Court 2019–2020*. Truy cập ngày 20/12/2025 tại: <https://www.environmentcourt.govt.nz/assets/Documents/Publications/Final-Env-Reg-Report-2019-20.pdf>.

Han, L. (n.d.). *Sự khai sáng của Hệ thống Tòa án Môi trường của New Zealand đối với Luật môi trường của đất nước tôi* (新西兰环境法院制度对我国环境立法的启示). Academic Hall (学术堂).

Hu, B. (2014). *Nghiên cứu sơ bộ về Tòa án Môi trường New Zealand* (新西兰环境法院初探). Mạng thông tin pháp lý Đại học Bắc Kinh ().

Lye, A. (2026). *Resource Management Act Reform*. Government of New Zealand. Truy cập tại: <https://www.mpdc.govt.nz/dis-trict-plan/resource-management-act-reform>.

Ministry for the Environment (n.d.). *Reforming the resource management system*. Government of New Zealand. Truy cập tại: <https://environment.govt.nz/news/reforming-the-resource-management-system-replacing-the-rma/>.

Palmer, K. (2009). *The Environment Court in New Zealand*. Trong *UK Application*, trang 241–249.

Palmer, K. (n.d.). *Legal Issues in the New Zealand Planning System*. New Zealand Treasury. Truy cập tại: <https://www.treasury.govt.nz/sites/default/files/2024-05/pc-inq-bup-better-urban-planning-draft-report-palmer.pdf>.

Storey, T., Clayton, B., & Bell Gully (2002). *Environmental Law Regime in New Zealand*. *New Zealand Journal of Forestry*, tr. 41–43.

Tòa án Môi trường New Zealand (2014). *Practice Note*. <https://www.environmentcourt.govt.nz/assets/Documents/Publications/Practice-Note-2014.pdf>. Truy cập ngày 22/12/2025.

Tòa án Môi trường New Zealand (2020). *Report of the Registrar of the Environment Court*. <https://www.environmentcourt.govt.nz/assets/Documents/Publications/Final-Env-Reg-Report-2019-20.pdf>. Truy cập ngày 20/12/2025.

Trevor, Daya-Winterbottom (2005). *Evolving Practice – The Environment Court of New Zealand*, tr. 123–145.

Xiao, J. (2011). *Quý Dương – Mô hình thử nghiệm bảo vệ môi trường*. Báo Tòa án Nhân dân hằng ngày. Truy cập ngày 20/02/2026 tại: http://rmfyb.chinacourt.org/paper/html/2011-07/07/content_29846.htm?div=-1.